

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KINH MÔN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/HNGĐ- ST

Ngày: 23- 01-2018

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KINH MÔN- TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Quốc Huy

2. Bà Phạm Thị Chuông

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt- Thư ký Tòa án

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương
tham gia phiên tòa:** bà Hoàng Thị Thúy Diệp- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 338/2017/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2017 về “ ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXX-ST ngày 08 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1995

ĐKHKT: Thôn B, xã T, huyện K, Hải Dương.

- Bị đơn: Chị Ngô Thị H, sinh năm 1997

ĐKHKT: Thôn B, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: Thôn A, xã P, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Anh T và chị H đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/7/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là anh Nguyễn Đức T trình bày: anh và chị Ngô Thị H tự nguyện về chung sống như vợ chồng từ tháng 8 năm 2015. Hai bên gia đình có tổ chức cưới hỏi theo phong tục của địa phương. Ngày 15/6/2016 anh và chị H đến Ủy ban nhân dân xã T làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Lý do anh chị chung sống với nhau một thời gian rồi mới đi đăng ký kết hôn là do

tại thời điểm sắp kết hôn anh chị bận công việc không đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục được.

Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 11 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên không hợp nhau về tính cách và quan điểm sống. Bản thân chị H không chịu làm ăn và quan T chăm sóc đến gia đình. Anh T đã nhiều lần khuyên bảo nhưng chị H không nghe. Do vậy vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, chị H nhiều lần về nhà bố mẹ đẻ ở nhưng vì thương con nên anh T đã đến tìm về đoàn tụ. Tuy nhiên cuộc sống vợ chồng vẫn không thay đổi, mâu thuẫn ngày một trầm trọng hơn. Chị H về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 11 năm 2016. Do vậy hai bên đã sống ly thân từ đó đến nay, cắt đứt mọi quan hệ cả về tình cảm và kinh tế.

Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc hôn nhân không thể cứu vãn được, mâu thuẫn ngày một sâu sắc, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn chị H.

Bị đơn là chị Ngô Thị H xác định: Chị và anh T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 9 năm 2015. Sau đó hai bên có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào ngày 15/6/2016. Chị và anh T chỉ chung sống được một tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bản thân anh T chơi bời, không chung thủy có mối quan hệ không đúng mực với người phụ nữ khác. Chị và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh T không nghe. Do vậy vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Việc anh T có mối quan hệ với người phụ nữ khác chị cũng chỉ nghe được không có căn cứ gì để cung cấp cho Tòa án.

Tháng 12/2016 chị về nhà bố mẹ đẻ ở. Anh T cũng không đến tìm chị về đoàn tụ. Do vậy hai bên đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị cũng nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn đoàn tụ được, anh T xin ly hôn chị đồng ý.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Đức Hoàng A, sinh ngày 15/3/2016. Hiện nay cháu đang ở cùng với chị H. Chị H và anh T cùng có quan điểm giao con chung cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng. Anh T tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị H là 2.000.000 đồng/tháng thời gian kể từ tháng 1/2018 cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và công nợ: Hai bên cùng xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Qua xác minh tại địa phương xác định: Anh T và chị H được tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào ngày 15/6/2016. Anh chị chỉ chung sống được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Hiện nay chị H đã về nhà bố mẹ đẻ ở P. Hai bên đã sống ly thân mỗi người một nơi.

Tại phiên tòa hôm nay các đương sự đều vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị và giữ nguyên quan điểm đã trình bày.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án chấp hành đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng theo quy định của Điều 70 và 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 56,81,82,83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của UBTVQH.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Đức T được ly hôn chị Ngô Thị H.

Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Đức Hoàng A, sinh ngày 15/3/2016 cho chị Ngô Thị H được tiếp tục nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T về việc cấp dưỡng tiền nuôi con là 2.000.000 đồng/ tháng thời gian kể từ tháng 01/2018 cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, công nợ: không đặt ra việc giải quyết.

Về án phí: Anh Nguyễn Đức T phải nộp tiền án phí ly hôn và dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn là anh Nguyễn Đức T, bị đơn là chị Ngô Thị H đã được triệu tập hợp lệ và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đức T và chị Ngô Thị H được kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên có nhiều bất đồng về tính cách và quan điểm sống nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cãi nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Hai bên đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2016 đến nay không ai còn quan T đến ai, cắt đứt mọi quan hệ cả về tình cảm và kinh tế. Mặt khác anh T và chị H cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn mâu thuẫn không thể hàn gắn đoàn tụ được. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa anh T và chị H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để chấp nhận yêu cầu của anh T, xử cho anh được ly hôn chị H là có căn cứ.

[3]. Về con chung: Hai bên xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Đức Hoàng A, sinh ngày 15/3/2016. Anh T và chị H cùng có nguyện vọng giao con chung cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng. Xét nguyện vọng của các bên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần giao con chung là Nguyễn Đức Hoàng A cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng. Chấp nhận

sự tự nguyện của anh T về việc cấp dưỡng tiền nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng, thời gian kể từ tháng 01/2018 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

[4]. Về tài sản chung, công nợ: Hai bên không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

[5]. Về án phí: Anh Nguyễn Đức T phải chịu án phí ly hôn và dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Đức T được ly hôn chị Ngô Thị H.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Đức Hoàng A sinh ngày 15/3/2016 cho chị Ngô Thị H được tiếp tục nuôi dưỡng. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng, thời gian kể từ tháng 01/2018 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Đức T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

Kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật và có quyết định thi hành án, anh T không thi hành khoản tiền trên còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Về tài sản chung, công nợ: không đặt ra việc giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Đức T phải nộp 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tiền án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm do có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con, đối trừ số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0001259 ngày 04/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kinh Môn. Anh T còn phải nộp 300.000 đồng.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn được biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự
- VKSND huyện Kinh Môn;
- Chi cục THADS huyện Kinh Môn;
- UBND xã Thượng Quận;
- Lưu hồ sơ, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thụy